

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao**

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư 02/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 1 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao như sau:

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (sau đây viết tắt là Chương trình) bao gồm: dự án phát triển công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, dự án phát triển nhân lực công nghệ cao (sau đây viết tắt là dự án); áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện và quản lý Chương trình.

**Điều 2. Đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án**

**1. Đề xuất dự án**

**a) Căn cứ đề xuất dự án:**

- Theo mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình;
- Theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nghị quyết, chương trình, đề án, dự án đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn và tổng công ty phê duyệt;
- Yêu cầu đột xuất của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành và địa phương;
- Nhu cầu của thị trường.

b) Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện việc đề xuất dự án.

## 2. Đề xuất đặt hàng dự án

Người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các ban của Đảng; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Trung ương; tập đoàn, tổng công ty Nhà nước căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và yêu cầu của cơ quan mình đề xuất đặt hàng dự án.

## 3. Nguyên tắc đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các ban của Đảng; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Trung ương; tập đoàn, tổng công ty Nhà nước (sau đây viết tắt là Bộ, ngành và địa phương) hướng dẫn, tập hợp và có ý kiến về đề xuất dự án của tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành và địa phương; đề xuất đặt hàng dự án gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Đối với đề xuất dự án của tổ chức, doanh nghiệp không thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành và địa phương quy định tại điểm a khoản này, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, tập hợp, có ý kiến về các đề xuất dự án.

Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức nghiên cứu, phát hiện, tìm kiếm các dự án có tính khả thi cao để đề xuất đặt hàng;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án.

## **Điều 3. Yêu cầu chung đối với dự án**

1. Có mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến phù hợp với yêu cầu được quy định tại Chương trình.

2. Đáp ứng tiêu chí quy định tại Thông tư số 02/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 1 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

3. Không trùng lặp về nội dung với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã



và đang thực hiện.

4. Có khả năng huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, các nhà khoa học trong nước và ngoài nước tham gia thực hiện.

5. Tác động đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế.

6. Thời gian thực hiện phù hợp với yêu cầu của từng dự án. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

#### **Điều 4. Nguyên tắc xác định dự án**

1. Ban chủ nhiệm Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (sau đây viết tắt là Ban chủ nhiệm) giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Tổ chức xây dựng, thẩm định danh mục dự án;

b) Xem xét danh mục dự án để đưa ra thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp;

c) Tổ chức thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện dự án trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

2. Dự án trong danh mục đưa ra thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp được xác định tên, mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm của dự án.

3. Trình tự xác định dự án trong danh mục được quy định tại Điều 5, 6, 7 và Điều 8 của Thông tư này.

#### **Điều 5. Quy trình đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án**

1. Bộ, ngành và địa phương tổ chức hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của mình đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án thuộc Chương trình (Biểu A1-1) theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định tại Thông tư này.

2. Hàng năm, hàng quý, hàng tháng, Bộ, ngành và địa phương tổng hợp danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án (kèm các phiếu đề xuất dự án, đặt hàng từng dự án), đồng thời Bộ, ngành và địa phương phải có ý kiến về các đề xuất dự án của tổ chức, doanh nghiệp (Biểu A1-2), gửi về Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ, 39 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

3. Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, ứng dụng kết quả nếu đề xuất dự án của tổ chức, doanh nghiệp; đề xuất đặt hàng dự án của Bộ, ngành và địa phương được chấp nhận.

4. Ban chủ nhiệm tổ chức nghiên cứu, phát hiện, tìm kiếm các dự án có tính khả thi cao để Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất đặt hàng dự án.

5. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung và sản phẩm phù hợp với yêu cầu được



quy định tại Chương trình, Ban chủ nhiệm lựa chọn, tổng hợp danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án từ các Bộ, ngành và địa phương.

## **Điều 6. Xây dựng danh mục dự án**

1. Ban chủ nhiệm tổ chức xây dựng danh mục dự án:

a) Căn cứ vào danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án của Bộ, ngành và địa phương và các quy định tại Điều 3 của Thông tư này, Ban chủ nhiệm chủ trì tổ chức xây dựng danh mục dự án.

Ban chủ nhiệm tổ chức các nhóm chuyên gia (mỗi nhóm chuyên gia có từ 05 đến 07 thành viên) gồm nhà khoa học, chuyên gia theo lĩnh vực chuyên môn, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Ban chủ nhiệm lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài (sau đây viết tắt là chuyên gia tư vấn độc lập) để xây dựng danh mục dự án. Ưu tiên lựa chọn các đề xuất đặt hàng dự án của Bộ, ngành và địa phương.

b) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của dự án, Ban chủ nhiệm kiến nghị hình thức lựa chọn tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện thông qua tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

c) Kết quả làm việc của Ban chủ nhiệm và các nhóm chuyên gia được ghi thành biên bản và bản tổng hợp kết quả làm việc.

d) Ban chủ nhiệm báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả làm việc của nhóm chuyên gia, ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập. Trong trường hợp cần thiết, Ban chủ nhiệm kiến nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến các Bộ, ngành và địa phương có liên quan về các dự án trong danh mục.

2. Đối với trường hợp danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án có quy mô lớn và tính chất phức tạp, Ban chủ nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập hội đồng tư vấn xác định danh mục dự án (sau đây viết tắt là hội đồng tư vấn); thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần thiết).

Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 09 thành viên gồm các nhà khoa học, chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính, nhà quản lý có uy tín và trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực liên quan.

Ban chủ nhiệm đề xuất chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng đủ điều kiện năng lực, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

Trong trường hợp cần thiết, Ban chủ nhiệm kiến nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến các Bộ, ngành và địa phương có liên quan về các dự án trong danh mục.



## **Điều 7. Phiên họp của hội đồng tư vấn, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập**

1. Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao (sau đây viết tắt là Văn phòng Chương trình) gửi tài liệu đến thành viên hội đồng tư vấn ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp của hội đồng, đến chuyên gia tư vấn độc lập ít nhất 10 ngày làm việc trước thời điểm gửi báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập. Tài liệu bao gồm:

- a) Nội dung của Chương trình;
- b) Danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án có quy mô lớn và tính chất phức tạp;
- c) Tài liệu khác có liên quan.

2. Phiên họp của hội đồng tư vấn, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập tập trung phân tích đối với dự án trong danh mục về những vấn đề sau:

- a) Sự phù hợp của dự án so với mục tiêu, nội dung của Chương trình và Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;
- b) Đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 của Thông tư này;
- c) Sự phù hợp với định hướng mục tiêu của Chương trình;
- d) Sự phù hợp của phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án;
- đ) Một số vấn đề liên quan đến dự án bao gồm: mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện; nội dung, nhiệm vụ chủ yếu; kết quả được tạo ra từ dự án; thị trường, tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội; dự kiến tổng kinh phí thực hiện; năng lực tài chính, nguồn, hình thức cung cấp vốn; giải pháp thực hiện; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc; dự kiến đối tượng thụ hưởng, sử dụng kết quả của dự án.

### **3. Tổ chức phiên họp của hội đồng tư vấn:**

a) Phiên họp của hội đồng tư vấn phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng tư vấn, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch. Chủ tịch chủ trì phiên họp của hội đồng tư vấn. Trong trường hợp chủ tịch vắng mặt, phó chủ tịch chủ trì phiên họp;

b) Mỗi dự án trong danh mục có ít nhất 02 thành viên làm phản biện. Hội đồng tư vấn thống nhất phương thức làm việc và cử 01 thành viên làm thư ký;

c) Thành viên hội đồng tư vấn thảo luận về các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và nhận xét dự án (Biểu A2-1). Hội đồng tư vấn bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban. Kết quả kiểm phiếu được



ghi thành biên bản (Biểu A2-2);

d) Dự án được hội đồng tư vấn đề nghị đưa vào danh mục thực hiện phải được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng tư vấn có mặt (đồng thời lớn hơn 1/2 tổng số thành viên hội đồng theo quyết định thành lập) bỏ phiếu đồng ý.

đ) Hội đồng thảo luận và thông qua kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với dự án;

e) Chủ tịch và thư ký hội đồng tư vấn chịu trách nhiệm ký biên bản họp hội đồng (Biểu A2-3), kèm theo danh mục dự án đã được hội đồng tư vấn thông qua.

### **Điều 8. Phê duyệt danh mục dự án**

Trên cơ sở kết quả làm việc với nhóm chuyên gia, kết luận phiên họp của hội đồng tư vấn, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập, Ban chủ nhiệm tổng hợp danh mục dự án, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt danh mục dự án để đưa ra tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện.

### **Điều 9. Tuyển chọn, giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp**

1. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện dự án theo đặt hàng của Nhà nước thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn. Tuyển chọn được áp dụng đối với dự án có nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có khả năng tham gia thực hiện nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

2. Giao trực tiếp là việc chỉ định tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có năng lực, phẩm chất, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện dự án đặc thù theo đặt hàng của Nhà nước. Giao trực tiếp được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau:

- a) Dự án liên quan đến bí mật nhà nước, đặc thù của an ninh, quốc phòng;
- b) Dự án cấp bách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội;
- c) Dự án mà nội dung chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện;
- d) Dự án theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 10. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp**

1. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án được áp dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 08/2012/TT-BKHCN ngày 02 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực



hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước.

2. Văn phòng Chương trình tổ chức kiểm tra và xác nhận các điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp theo quy định.

### **Điều 11. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp**

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm các tài liệu sau:

- a) Đơn đăng ký tham gia thực hiện dự án;
- b) Thuyết minh dự án theo mẫu của Bộ Khoa học và Công nghệ (Biểu A3-1; Biểu A3-2; Biểu A3-3a,b,c,d,đ,e,g; Biểu A3-4a,b,c,d,đ,e);
- c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (có xác nhận của các thành viên tham gia);
- d) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án;
- đ) Các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động nguồn lực tài chính để thực hiện dự án;
- e) Tài liệu bổ sung: kế hoạch kinh doanh, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo năng lực quản lý dự án và các tài liệu khác (nếu có).

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu) được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ như sau:

- a) Tên dự án đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp kèm theo mã số của Chương trình;
- b) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện dự án;
- c) Họ tên, đơn vị công tác của chủ nhiệm dự án và danh sách những người tham gia chính thực hiện dự án;
- d) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện về Văn phòng Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Văn phòng Chương trình tổ chức mở hồ sơ, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia.

## **Điều 12. Xét duyệt hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp**

1. Căn cứ vào tính đặc thù của dự án, Ban chủ nhiệm xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp (sau đây viết tắt là hội đồng khoa học và công nghệ); thuê chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng đủ điều kiện năng lực (nếu cần thiết) để xét duyệt hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện.

Hội đồng khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, xét giao trực tiếp.

2. Văn phòng Chương trình gửi tài liệu đến thành viên hội đồng khoa học và công nghệ ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp của hội đồng, đến chuyên gia tư vấn độc lập ít nhất 10 ngày làm việc trước thời điểm gửi báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập. Tài liệu bao gồm:

- a) Quyết định thành lập hội đồng khoa học và công nghệ và danh sách kèm theo, Quyết định lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập;
- b) Trích lục danh mục dự án đã được phê duyệt;
- c) Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp;
- d) Tài liệu liên quan khác.

3. Hồ sơ tuyển chọn, xét giao trực tiếp được hội đồng khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá theo các nội dung sau:

- a) Đánh giá tổng quan chung dự án;
- b) Tính cấp thiết, tính khả thi của dự án;
- c) Mục tiêu, nội dung của dự án phù hợp với yêu cầu;
- d) Giải pháp triển khai dự án;
- đ) Kết quả của dự án;
- e) Hiệu quả của dự án;
- g) Năng lực thực hiện dự án.

4. Ban chủ nhiệm tổ chức các phiên họp hội đồng khoa học và công nghệ có từ 07 đến 09 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên. Thành viên của hội đồng khoa học và công nghệ bao gồm các nhà khoa học, chuyên gia chuyên môn, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính, nhà quản lý có uy tín và trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực liên quan. Tùy theo quy mô, tính chất phức tạp, nguồn vốn thực



hiện dự án, đại diện của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành và địa phương có liên quan tham dự phiên họp của hội đồng khoa học và công nghệ. Mỗi hội đồng khoa học và công nghệ có thể tư vấn cho 01 hoặc một số dự án (trong trường hợp các dự án cùng lĩnh vực) và làm việc theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Thông tư này.

### **Điều 13. Nguyên tắc làm việc của hội đồng khoa học và công nghệ**

1. Phiên họp của hội đồng khoa học và công nghệ phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng khoa học và công nghệ, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch, 02 uỷ viên phản biện.

2. Chủ tịch chủ trì các phiên họp; cử 01 thành viên làm thư ký hội đồng. Trong trường hợp chủ tịch vắng mặt, phó chủ tịch chủ trì phiên họp.

3. Thành viên hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng khoa học và công nghệ.

### **Điều 14. Nội dung làm việc của hội đồng khoa học và công nghệ**

1. Hội đồng khoa học và công nghệ thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các nội dung quy định (Biểu A4-1).

2. Hội đồng khoa học và công nghệ bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban. Hội đồng khoa học và công nghệ bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ.

3. Hội đồng khoa học và công nghệ thông qua kết quả bỏ phiếu (Biểu A4-2), kiến nghị tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì dự án bổ sung, sửa đổi (nếu cần) trong thuyết minh dự án, các sản phẩm của dự án và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện dự án.

4. Chủ tịch và thư ký hội đồng khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm ký biên bản họp hội đồng (Biểu A4-3).

### **Điều 15. Phê duyệt kết quả**

1. Trên cơ sở kết luận của hội đồng khoa học và công nghệ, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập, Ban chủ nhiệm nghiên cứu, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án.

Trong trường hợp cần thiết, Ban chủ nhiệm tổ chức đi kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được kiến nghị chủ trì thực hiện dự án.

Đối với hồ sơ có kết quả đánh giá chưa thống nhất, Ban chủ nhiệm báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định về việc đề nghị



hội đồng khoa học và công nghệ xem xét lại hoặc tổ chức hội đồng khoa học và công nghệ mới để tư vấn đánh giá, thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

2. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của hội đồng khoa học và công nghệ và gửi Văn phòng Chương trình trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp để tiến hành thẩm định nội dung và kinh phí, làm căn cứ bố trí kế hoạch thực hiện.

#### **Điều 16. Lưu giữ hồ sơ gốc**

Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chủ trì thực hiện dự án, Ban chủ nhiệm có trách nhiệm nộp bộ hồ sơ gốc (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

#### **Điều 17. Căn cứ và hồ sơ thẩm định dự án**

1. Căn cứ để thẩm định:

a) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục dự án để tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Biên bản cuộc họp của hội đồng khoa học và công nghệ, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập;

c) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án;

d) Các văn bản quy định chế độ, định mức xây dựng dự toán, định mức chi hiện hành của nhà nước, định mức kinh tế - kỹ thuật (nếu có) và các văn bản khác có liên quan.

2. Hồ sơ thẩm định:

a) Các quyết định và văn bản nêu tại điểm a, b, c của khoản 1 Điều này;

b) Thuyết minh dự án đã được chỉnh sửa hoàn thiện và văn bản giải trình của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trúng tuyển đã được Ban chủ nhiệm xác nhận;

c) Báo giá nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị để xây dựng dự toán kinh phí của dự án (trong thời gian 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

#### **Điều 18. Thẩm định nội dung, kinh phí và ký kết hợp đồng**

1. Ban chủ nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập tổ thẩm định để thẩm định dự án; thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần thiết).

2. Tổ thẩm định có ít nhất 05-07 thành viên, gồm: tổ trưởng là đại diện Ban chủ nhiệm, một số tổ phó và thành viên là chuyên gia trong lĩnh vực công



nghe có liên quan, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính, doanh nghiệp, nhà quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực liên quan. Tùy theo quy mô, tính chất phức tạp, nguồn vốn thực hiện dự án, đại diện Bộ Tài chính, đại diện Bộ, ngành và địa phương có liên quan, đại diện các Vụ chức năng quản lý tài chính, quản lý chuyên ngành của Bộ Khoa học và Công nghệ tham dự phiên họp thẩm định.

3. Ban chủ nhiệm đề xuất chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng đủ điều kiện năng lực thẩm định dự án, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

4. Văn phòng Chương trình gửi tài liệu đến thành viên tổ thẩm định ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp của tổ thẩm định, đến chuyên gia tư vấn độc lập ít nhất 10 ngày làm việc trước thời điểm gửi báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập. Tài liệu bao gồm:

- a) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập tổ thẩm định, Quyết định lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập;
- b) Phiếu nhận xét đối với dự án (Biểu A5-1);
- c) Hồ sơ đề thẩm định.

5. Thẩm định nội dung của các dự án được thực hiện trên cơ sở rà soát các nội dung quy định tại Thông tư này, Thông tư 02/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 1 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

Thẩm định tài chính của các dự án được thực hiện trên cơ sở rà soát các nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

6. Phiên họp tổ thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên tổ thẩm định, trong đó có tổ trưởng và 01 tổ phó. Các thành viên tổ thẩm định và khách mời có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định.

7. Căn cứ kết quả làm việc của tổ thẩm định (Biểu A5-2), báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập, Ban chủ nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định phê duyệt dự án.

8. Quyết định phê duyệt dự án là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án. Ban chủ nhiệm, Văn phòng Chương trình tổ chức ký hợp đồng và có trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo quy định.



## **Điều 19. Khiếu nại, tố cáo**

1. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

### **Nơi nhận :**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, CNC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**\*Chu Ngọc Anh**